

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh **Ph- ong Lan**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Th□ ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán— Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Phi Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ:, đường Số 04 (Nay là đường A), khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh K.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị Thúy A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 9, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020 của nguyên đơn Trương Phi Đ, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ọc vào ngày 11/6/2020, vụ án có nội dung nh- sau:

Anh Trương Phi Đ trình bày: Vào năm 2006, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ọc sự đồng ý của gia đình hai bên, tôi cùng chị Ngô Thị Thúy A chung sống vợ chồng, không tổ chức lễ c- ối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; đã đ- ọc UBND thị trấn Thứ Ba cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51/2010 ngày 29/3/2020. Trong quá trình chung sống,

chúng tôi có 02 người con chung là cháu Trương Chấn T, sinh ngày 03/5/2007 và cháu Trương Triệu L, sinh ngày 20/11/2014 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng; không có tài sản chung; không có nợ chung. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng giữa tôi và chị Ngô Thị Thúy A hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chúng tôi đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Thúy A, được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Chấn T và cháu Trương Triệu L cho đến khi cháu Chấn T, cháu Triệu L tròn 18 tuổi, không yêu cầu chị Ngô Thị Thúy A cấp dưỡng nuôi con; tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung giữa tôi và chị Ngô Thị Thúy A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Ngô Thị Thúy A theo quy định của pháp luật, nhưng chị Ngô Thị Thúy A không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị Ngô Thị Thúy A.

Tại phiên tòa, anh Trương Phi Đ vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

☐ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trương Phi Đ; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A do anh Trương Phi Đ không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2006, anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 05/3/2020, anh Trương Phi Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Thúy A và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A; chị Ngô Thị Thúy A có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt chị Ngô Thị Thúy A tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04/9/2020 cho chị Ngô Thị Thúy A theo quy định

của pháp luật, chị Ngô Thị Thúy A vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, đ-ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và anh Trương Phi Đ, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ngô Thị Thúy A theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trương Phi Đ:

2.1. Về hôn nhân: Anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2006, không có tổ chức lễ c-ới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã đ-ợc UBND thị trấn Thứ Ba cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên anh Trương Phi Đ yêu cầu đ-ợc ly hôn với chị Ngô Thị Thúy A.

Xét rằng: Tuy chị Ngô Thị Thúy A không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án thì chị Ngô Thị Thúy A có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K; anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A có 02 người con chung là cháu Trương Chấn T, sinh ngày 03/5/2007 và cháu Trương Triệu L, sinh ngày 20/11/2014 đang do anh Trương Phi Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không có nợ chung, do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau nhiều năm nay (BL 16). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Thúy A không hợp tác- chứng tỏ chị Thúy A không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Trương Phi Đ. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ-ợc. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Phi Đ đối với chị Ngô Thị Thúy A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A có 02 người con chung là cháu Trương Chấn T, sinh ngày 03/5/2007 và cháu Trương Triệu L, sinh ngày 20/11/2014 đang do anh Trương Phi Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Trương Phi Đ: Từ khi anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A ly thân đến nay thì cả hai cháu Chấn T, Triệu L đ-ợc anh Trương Phi Đ trực tiếp nuôi d-ỡng, giáo dục; căn cứ vào nguyện vọng của cháu Trương Chấn T vào ngày 30/6/2020 (BL 18), quyền lợi về mọi mặt của các cháu và để ổn định tình cảm, tâm lý cho các cháu, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Trương Phi Đ.

2.3. Về cấp d-ỡng nuôi con: Do anh Trương Phi Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng-ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng-ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr-ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng-ời con, các đ-ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d-ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Trương Phi Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Phi Đ.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Anh Trương Phi Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Phi Đ phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Trương Phi Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002265, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Trương Phi Đ không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Chị Ngô Thị Thúy A không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014**; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trương Phi Đ và chị Ngô Thị Thúy A.
- 2- Về con chung: Cho anh Trương Phi Đ đ-ợc tiếp tục trực tiếp nuôi d-ỡng, giáo dục cháu Trương Chấn T, sinh ngày 03/5/2007 và cháu Trương Triệu L, sinh ngày 20/11/2014 cho đến khi cháu Chấn T, cháu Triệu L tròn 18 tuổi; chị Ngô Thị Thúy A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ-ợc quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do anh Trương Phi Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí: Anh Trương Phi Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm anh Trương Phi Đ phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Trương Phi Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002265, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Trương Phi Đ không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Chị Ngô Thị Thúy A không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- UBND thị trấn X, huyện B, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng